

Bài báo nghiên cứu

BIỂU TƯỢNG *THU THIÊN* (CÂY ĐU) TRONG SÁNG TÁC CỦA HỨA LAN TUYẾT HIÊN TỪ GÓC NHÌN LIÊN VĂN HÓA

Đàm Anh Thu

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Đàm Anh Thu – Email: thuda@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 01-12-2022; ngày nhận bài sửa: 20-3-2023; ngày duyệt đăng: 28-4-2023

TÓM TẮT

Bài viết này hướng đến hai mục đích chính. Thứ nhất, bài viết giới thiệu về cuộc đời và sáng tác của Heo Nan Seol Heon/ Hứa Lan Tuyết Hiên, nữ tác giả nổi bật thuộc triều đại Joseon (Hàn Quốc), với độc giả Việt Nam. Thứ hai, bài viết tập trung tìm hiểu biểu tượng “thu thiên” (cây đu / xích đu) trong thơ Hứa Lan Tuyết Hiên dưới góc nhìn liên văn hóa. Trên cơ sở phân tích các tầng ý nghĩa của biểu tượng cây đu kết hợp với phân tích bối cảnh triều đại Joseon, bài viết sẽ chỉ ra cách lí giải độc đáo của nữ sĩ về vẻ đẹp nữ tính và khám phá sự giao thoa văn hóa giữa các quốc gia ở phương Đông như Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam.

Từ khóa: Heo Nan Seol Heon; Hứa Lan Tuyết Hiên; vẻ đẹp nữ tính; liên văn hóa; biểu tượng; cây đu

1. Đặt vấn đề

Heo Nanseolheon hay Hứa Lan Tuyết Hiên là bông hoa rực rỡ của văn học cổ điển Hàn Quốc. Có thể ví mỗi bài thơ trong di sản thi ca của nữ sĩ như một phần của bức tranh cuộn, hấp dẫn chúng ta bằng hệ thống biểu tượng mang đậm nét nữ tính và văn hóa phương Đông. Để khảo sát được toàn bộ hệ thống này, cố nhiên, đòi hỏi phải có những công trình nghiên cứu nghiêm túc và công phu. Vì thế, riêng ở phạm vi bài viết, chúng tôi tập trung khám phá các tầng nghĩa của biểu tượng cây đu (thu thiên) trong nhóm tác phẩm *Thu thiên từ* dưới góc nhìn liên văn hóa. Cây đu, một biểu tượng phổ biến trong văn chương Đông Á, là chiếc chìa khóa giúp giải mã quan niệm độc đáo của Hứa Lan Tuyết Hiên về vẻ đẹp nữ tính, đồng thời, ở mức độ nhất định sẽ hé mở lịch sử giao thoa văn hóa giữa các quốc gia phương Đông như Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Định hướng nghiên cứu

Ngày nay, sức mạnh của toàn cầu hóa dường như đang xoá mờ dần ranh giới giữa các quốc gia. Thế giới trở nên quen thuộc với các giá trị, các tiêu chuẩn thẩm mỹ chung, bao gồm

Cite this article as: Đàm Anh Thu (2023). The symbol of swing in Heo Nan Seol Heon's compositions: The intercultural perspective. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(4), 616-626.

cả tiêu chuẩn xác định về đẹp nữ tính. Tuy nhiên, trong lịch sử, mỗi nền văn hóa đều từng có một quan niệm riêng về người phụ nữ đẹp. Cho Kyo, tác giả của công trình *The Search for the Beautiful Woman: A Cultural History of Japanese and Chinese Beauty* (Tạm dịch: Một nghiên cứu về người phụ nữ đẹp: Lịch sử văn hóa về vẻ đẹp Nhật Bản và Trung Quốc) nhận định:

Một “người đẹp” không đơn thuần là “một cô gái có vẻ ngoài xinh đẹp” mà là một chỉ số văn hóa. Từ các tiêu chuẩn về “người đẹp”, chúng ta chẳng những có thể quan sát được đặc trưng của từng nền văn hóa mà còn nghiên cứu được các mối liên hệ liên văn hóa. Hơn nữa, trong cùng một nền văn hóa, chúng tôi ghi nhận được những hình ảnh khác nhau về người phụ nữ đẹp. Từ chúng, chúng ta có thể nhìn thấy sự chuyển đổi của phong tục và thẩm mỹ từ thời đại này sang thời đại khác. Cũng có thể bắt đầu với những thay đổi về hình ảnh của vẻ đẹp nữ tính để khám phá sự giao thoa của các nền văn hóa. (Cho, 2001, p.27)

Nhận định của Cho Kyo đã cung cấp một gợi ý quan trọng để chúng tôi khảo sát hình ảnh “thu thiên” (cây đu) trong sáng tác của Hứa Lan Tuyết Hiên, nữ tác giả triều đại Joseon, từ góc nhìn liên văn hóa. Trước hết, có thể xem cây đu là một biểu tượng văn hóa (cultural symbol) bởi lẽ nó “có thuộc tính văn hóa mạnh mẽ và mang hàm ý văn hóa”, “thể hiện một loại quan niệm, một cảm thức nhân văn hay một định hướng giá trị nhất định đã được xuyên thấm qua dòng thời gian và thử nghiệm trong cuộc sống hàng ngày” (Zhu, 2017, p.57). Trong văn học Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam, cây đu không chỉ đại diện cho chính nó mà còn chở theo thông điệp truyền thống về vẻ đẹp nữ tính. Bên cạnh đó, việc xuất hiện ở nhiều nền văn học mang đến cho hình ảnh này tính chất liên văn hóa, khiến nó trở thành một biểu tượng cho sự giao tiếp, đối thoại giữa các nền văn hóa vào thời trung đại. Việc khám phá ý nghĩa của biểu tượng cây đu trong tác phẩm *Thu thiên từ* dưới góc độ so sánh văn hóa một mặt vừa cho thấy mối liên hệ, đồng cảm về văn hóa giữa các dân tộc, mặt khác chỉ ra được cái nhìn độc đáo nữ sĩ Hứa Lan Tuyết Hiên và bản sắc của nền văn hóa Joseon trong việc kiến tạo những tiêu chuẩn riêng cho vẻ đẹp nữ tính.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Một số nét về cuộc đời và sáng tác của Hứa Lan Tuyết Hiên

Hứa Lan Tuyết Hiên hay Heo Nanseolheon họ Hứa, tên thật là Chohee/ Sở Cơ. Bà sinh năm 1563 dưới triều đại Joseon (tương ứng với thời Lê Trung hưng - Việt Nam), một thời kỳ mà phụ nữ không được công nhận về tài năng. Tuy nhiên, từ rất sớm, Lan Tuyết Hiên đã bộc lộ thiên phú văn chương. Thuở nhỏ, bà theo anh trai học chữ Hán và văn học Hán, học tập sáng tác thơ cổ, chịu ảnh hưởng lớn bởi phong cách sáng tác của Đường thi. Thơ Đường mang nét đẹp phóng khoáng, ít câu nệ, đối lập với tính chất quy phạm, khuôn phép, trọng đạo lý của thơ ca đời Tống vốn rất được giới nho sĩ Triều Tiên sùng bái. Cha Lan Tuyết Hiên yêu thích thơ Đường và truyền tình yêu ấy cho bà. Thơ ca đã mang đến cho bà niềm vui của sự tự do sáng tạo, nhưng đồng thời cũng khiến cuộc đời bà trở nên bi thảm. Người chồng môn đăng hộ đối không trân trọng tài năng của bà, mẹ chồng đối xử với bà lạnh nhạt. Trong hai năm liên tiếp, hai đứa con thơ của bà đều ra đi. Bất mãn với hoàn cảnh xã hội đương

thời, trước khi qua đời vào năm 1589, bà đã yêu cầu em trai đốt bỏ tất cả bản thảo của mình. Thế nhưng Heo Gyun / Hứa Quân, người em trai luôn ủng hộ tài năng thơ ca của chị, đã lưu giữ lại một số tác phẩm và sau này, tặng chúng cho sứ giả triều Minh. Sứ giả triều Minh tán thưởng, mang theo về nước. Năm 1606, tám năm sau khi Hứa Lan Tuyết Hiên mất, hai trăm mười bài thơ của bà được in và xuất bản ở Trung Hoa trong *Lan Tuyết Hiên thi tập*. Đến năm 1692, tác phẩm của bà mới được xuất bản ở Triều Tiên.

Ngày nay, các học giả Hàn Quốc ca ngợi bà như một tài năng văn học hiếm có, một đại diện xứng đáng cho các tác giả nữ triều đại Joseon. Bà đã dùng 27 năm ngắn ngủi giữa cõi phù thế, bằng trái tim kiêu hãnh và tài hoa trác tuyệt, mở ra một thế giới thi ca lãng mạn nhưng bi thương, đẹp đẽ nhưng cũng đầy đau đớn. Ấy là vẻ đẹp khó có thể hình dung được bằng lời, thuộc về chính bản thân bà, song cũng thuộc về thơ ca phương Đông hàm súc và giàu chất triết học. Ngay tên hiệu của bà đã bộc lộ điều đó. *Lan* và *tuyết* đều là hình ảnh thiên nhiên tượng trưng cho sự thanh khiết trong văn học phương Đông. Chúng khắc họa tính cách cùng sự truy cầu của bà đối với nhân sinh và thi ca. Đóa hoa lan được miêu tả trong bài *Cảm ngộ 1 (Xúc cảm 1)* đại diện cho cuộc đời bà. Từng rất xinh đẹp, tươi tốt song chỉ vì một cơn gió nhẹ mùa thu, hoa đã tàn tạ trong sương giá²:

Doanh doanh song hạ lan,

Chi diệp hà phân phương.

Tây phong nhất phi phát,

Linh lạc bi thu sương.

(Đóa hoa lan yêu kiều bên cửa sổ,

Cành lá tỏa hương thơm ngát làm sao.

Một cơn gió tây phơ phát thổi qua,

Héo rụng buồn bã trong sương giá mùa thu.)³

Có điều, vẻ bề ngoài là thứ duy nhất thể nhân và số phận khắc nghiệt có thể tàn phá được. Mùi hương trong trẻo sẽ luôn sống mãi, trở thành minh chứng cho sự bất tử của cái đẹp thuộc về tâm hồn:

“Tú sắc túng điêu tụy,

Thanh hương chung bất tử.”

(Tuy vẻ xinh đẹp đã (hóa thành) điêu tàn, tiêu tụy,

Nhưng hương thơm trong trẻo không bao giờ phai.)

2.2.2. Biểu tượng cây đu trong *Thu thiên từ* của Hứa Lan Tuyết Hiên nhìn từ bối cảnh văn học và văn hóa Đông Á

² Các bản chữ Hán thơ của Lan Tuyết Hiên được chúng tôi khai thác từ hai nguồn chính:

- Hứa Lan Tuyết Hiên (1608). *Lan Tuyết Hiên thi tập*. Thư Đường xuất bản xã, Bản được công bố trên Thư viện số Havard-Yenching, <https://digital.library.mcgill.ca/mingqing/search/results-work.php>
- Lee Hai-soon (2005). *The Poetic World of Classic Korean Women Writers*. Translated by Won Jae-Hur, Korea: Ehwa Womans University Press.

³ Trong bài viết, những bản dịch không có tên dịch giả là do chúng tôi tự dịch.

• *Cây đu (thu thiên) – biểu tượng gắn liền với vẻ đẹp nữ tính trong văn học và văn hóa Đông Á*

Thu thiên từ (鞦韆詞 / 추천사) được viết bằng chữ Hán, gồm hai bài, mang phong cách tươi tắn và duyên dáng của thiếu nữ Lan Tuyết Hiên, chưa nhuộm màu sắc bi thương như các sáng tác sau này của bà. Hình tượng trung tâm của tác phẩm là *thu thiên* (có 2 cách viết: 鞦韆 / 秋千), tức cây đu (hay xích đu), và thiếu nữ. Đây là căn cứ đầu tiên để chúng ta có thể xem *Thu thiên từ* như một điển ngôn về vẻ đẹp nữ tính. Khi nghiên cứu các chuẩn mực xác định vẻ đẹp của nữ giới, việc tiếp cận với hình ảnh trong hội họa, điêu khắc hay tài liệu lịch sử là chưa đủ. Văn học cũng là một nguồn tư liệu quý giá không thể bỏ qua. Mặc dù những hình ảnh được miêu tả trong tác phẩm văn học có thể phù hợp hoặc không phù hợp với tiêu chuẩn chung của thời đại, có thể xuất phát từ sự thực lịch sử hay do hư cấu của tác giả, chúng vẫn đóng vai trò một thành tố quan trọng cấu thành nên quan niệm về vẻ đẹp nữ tính của mỗi dân tộc. Các điển ngôn văn học sẽ xác định cái nhìn của người đọc, đồng thời ảnh hưởng mạnh mẽ đến trí tưởng tượng của họ. Khả năng biến một cô gái đẹp trở thành biểu tượng cho cái đẹp lí tưởng, đồng thời khắc sâu nhận thức này vào tâm trí người đọc, lưu truyền nó từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ quốc gia này đến quốc gia khác, chính là sức mạnh của điển ngôn.

Trở lại với *cây đu*, nếu chúng ta nhìn xuyên qua lịch sử văn học của các nước Đông Á, đồ vật này đã từ một món đồ chơi phát triển thành biểu tượng gắn với nữ giới và vẻ đẹp nữ tính. Hãy bắt đầu từ Trung Quốc, nền văn học mà cả Hàn Quốc và Việt Nam cùng chịu ảnh hưởng. Những nhà thơ Trung Quốc nổi tiếng, có tầm ảnh hưởng đặc biệt đến sáng tác về nữ giới và sáng tác của các tác giả nữ như Bạch Cư Dị, Lý Thương Ẩn, Lý Thanh Chiếu... đều có tác phẩm viết về cây đu, việc chơi đu. Bạch Cư Dị, khi miêu tả “*Thu thiên tế yêu nữ*” trong *Họa xuân thâm nhị thập thủ*, đã gắn hình ảnh cây đu cùng hình ảnh người con gái “thắt đáy lưng ong”. Với tác giả của *Trường hận ca*, “tế yêu” (eo nhỏ) được xác định như một tiêu chuẩn của vẻ đẹp nữ tính. Sau Bạch Cư Dị, Lý Thương Ẩn trong bài thơ *Vô đề* tiếp tục làm sâu sắc hơn mối liên hệ đặc biệt giữa cây đu và cô gái trẻ:

*Bát tuế thâm chiếu kính,
Trường my dĩ năng họa.
Thập tuế khứ đạ thanh,
Phù dung tác quân xái.
Thập nhị học đàn tranh,
Ngân giáp bất tăng tá.
Thập tứ tàng lục thân,
Huyền tri do vị giá.
Thập ngũ khắp xuân phong,
Bối diện thu thiên hạ.*

(Tám tuổi trộm soi gương
 Mày dài đã biết vẽ.
 Mười tuổi đi đập thanh,
 Biết dùng hoa phù dung trang điểm trên quần.
 Mười hai tuổi học chơi đàn,
 Móng bạc gậy đàn chưa từng tháo rời tay.
 Mười bốn tuổi sống trong gia đình,
 Cha mẹ vẫn chưa hứa gả cho ai.
 Mười lăm tuổi khóc thầm cùng gió xuân,
 Úp mặt buồn tủi dưới cây đu.)

(Bản dịch trên *thivien.net*)

Bài thơ khắc họa quá trình trưởng thành của một cô gái, từ đứa trẻ hồn nhiên năm tám tuổi đến thiếu nữ tuổi mười lăm biết buồn, biết khóc. Cùng theo cô gái trong quá trình trưởng thành là những vật dụng và hoạt động điển hình cho nữ giới, bắt đầu từ chiếc gương đại diện cho lòng yêu cái đẹp. Trong quá trình ấy, cây đu xuất hiện ở câu thơ cuối cùng, khi cô gái bước sang tuổi mười lăm. Lúc này, cây đu không còn là trò chơi thông thường mà như hóa thành chứng nhân cho vẻ đẹp duyên dáng và trái tim đa sầu đa cảm của thiếu nữ. Như vậy, dưới ngòi bút của Lý Thương Ẩn, cây đu ở bên cạnh bầu bạn cùng cô gái trẻ, *cụ thể là cô gái ở tuổi mười lăm*, độ tuổi xác định sự trưởng thành của một thiếu nữ cả về thể chất lẫn tâm hồn. Cây đu mang theo vẻ đẹp của tuổi xuân son trẻ nhưng lại pha lẫn nỗi buồn khó thoát thành lời.

Văn học trung đại Việt Nam cũng có những tác phẩm hay viết về cây đu. Trong các nữ thi sĩ thời kì trung đại, Mai Am, nàng công chúa của vương triều Nguyễn, khá gần gũi với Lan Tuyết Hiên ở phong cách sáng tác tao nhã, kín đáo. Trong dòng chảy chung của văn học Đông Á, Mai Am đã mượn trò chơi cây đu để miêu tả vẻ đẹp tươi trẻ của thiếu nữ:

*Tâm mai vẫn liễu phùng giai hội,
 Ngũ sắc xuân y trang đội đội.
 Thu thiên ảnh lí tập la quần,
 Ngọc tỵ khinh doanh đấu xuân thái.*

*Đông phong xuy quá hạnh hoa tiêu,
 Cao xír thiên nghi đồ tế yêu.
 Nguyệt minh đình viện nhân quy hậu,
 Tịch tịch thái thăng hương vị tiêu.*
 (Tìm mai hỏi liễu gặp ngày hội đẹp,
 Năm sắc áo xuân đua nhau phấp phới.
 Những chiếc quần lụa đậu lại trên bóng cây đu,
 Ống tay áo ngọc bồng bênh tranh cùng sắc xuân.)

Gió xuân thổi đi mùi hoa hạnh,
 Trên cao ngõ là cuộc thi của những chiếc eo thon,
 Trăng mọc sáng, chôn đình viện sau khi mọi người đã về hết,
 Chỉ còn sợi dây màu tịch mịch lưu lại hương thơm chưa tan.)⁴

Thu thiên từ của Lan Tuyết Hiên và *Thu thiên* của Mai Am công chúa cho thấy những điểm tương đồng trong quan niệm về vẻ đẹp nữ tính. Cả hai nữ thi sĩ đều tập trung miêu tả hành động thoải mái, hoạt bát, tự do của thiếu nữ khi chơi cây đu và xem chúng như đặc điểm đáng ca ngợi của một cô gái đẹp. Tuy nhiên, sự chú ý đến các chi tiết khác nhau về trang phục, thần thái, tâm tình... của thiếu nữ ở Lan Tuyết Hiên và Mai Am không hoàn toàn tương đồng. Đây sẽ là yếu tố giúp chúng ta có thể xác định dấu ấn văn hóa của mỗi quốc gia cũng như nét độc đáo trong sáng tác của từng tác giả.

• *Biểu tượng cây đu trong Thu thiên từ: bản sắc văn hóa Joseon và cái nhìn độc đáo của Hứa Lan Tuyết Hiên về vẻ đẹp nữ tính*

Triều đại Joseon có tiêu chuẩn riêng về vẻ đẹp nữ tính. Một cô gái đẹp được đánh giá trên cả hai phương diện phẩm hạnh và vẻ ngoài, trong đó vẻ ngoài thực ra là một biểu hiện của phẩm chất bên trong:

Với sự chú trọng vào phẩm hạnh, sự dịu dàng và vẻ ngoài chín chu đã trở thành những yếu tố quan trọng trong nhận thức thẩm mỹ của thời Joseon. Trang điểm tự nhiên và tính cách điềm đạm trở thành những phẩm chất quý giá nhất của nữ giới Joseon. Ba tiêu chí chính cho vẻ đẹp nữ tính là *sambaek* (삼백; 三白; tam bạch), *samheuk* (삼흑; 三黑, tam hắc) và *samhong* (삼홍; 三紅, tam hồng). *Sambaek*, “ba thứ màu trắng”, làm nổi bật màu trắng của da, của răng và của mắt. *Samheuk*, “ba thứ màu đen”, nhấn mạnh con ngươi, lông mày và tóc màu cần thiết phải có màu đen. Cuối cùng, *samhong*, “ba màu đỏ”, nhấn mạnh đến sự ửng đỏ của má, môi và móng tay màu hồng phấn. (Asian Society)

Thu thiên từ của Lan Tuyết Hiên không hoàn toàn nhấn mạnh ở các tiêu chuẩn trên. Ở bài 1, nữ sĩ vẽ lại dáng vẻ thiếu nữ khi dùng sức nhún đu bay lên cao, hành động giúp phô diễn toàn bộ những đường nét xinh đẹp và tư thái hoạt bát, sinh động của cô gái trẻ:

*Lân gia nữ bạn cạnh thu thiên,
 Kết dải phiên cân học bán tiên.
 Phong tống thái thằng thiên thượng khứ,
 Bội thanh thời lạc lục dương yên.
 (Cùng cô bạn nhà bên thi chơi đu,
 Thắt đai áo, buộc dải khăn tóc, tựa như đã trở thành tiên nữ.
 Gió đưa dây đu sắc sỡ bay lên trời,
 Âm thanh ngọc bội rơi giữa màn liễu xanh như khói.)*

⁴ Tham khảo một phần bản dịch của Đỗ Thị Hào

Trong nhiều thế kỉ, với nữ giới Joseon, cây đu có ý nghĩa hơn cả một trò chơi. Họ sẽ mặc bộ quần áo đẹp nhất, mang đôi hài xinh xắn nhất, thoát khỏi những bức tường ngăn cách theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng để sống trọn vẹn từng giây phút tự do tự tại nhất cuộc đời mình. Dưới ảnh hưởng của Nho giáo, triều đại Joseon (1392-1910) đặt ra nhiều luật lệ khắt khe dành cho nữ giới. Bắt đầu từ khi bảy tuổi, con trai và con gái đã được giáo dục không ngồi hay ăn cùng nhau. Gia đình thuộc tầng lớp quý tộc hạn chế sự tiếp xúc giữa nam và nữ bằng những khu vực được phân chia riêng biệt, bao quanh bởi những bức tường nối liền với những cánh cổng. Họ chỉ bước qua những cánh cổng ấy trong trường hợp tối cần thiết. Thậm chí, việc hạn chế phạm vi hoạt động của nữ giới còn được đặt thành một điều luật chính thức trong *Kinh quốc đại điển* – bộ luật cơ bản của thời Joseon như sau: “Những phụ nữ đi đến các ngôi chùa và những phụ nữ thuộc các gia đình quý tộc tham gia các hoạt động vui chơi trong thung lũng hay bên bờ suối hoặc tham dự các nghi lễ ngoài trời dành cho tổ tiên, thần núi hay các vị thần sẽ bị phạt 100 roi” (Lee, 2008, p.31). Luật này sau đó được áp dụng cho phụ nữ thuộc mọi tầng lớp xã hội.

Trong hoàn cảnh bị ràng buộc nghiêm ngặt, nữ giới có rất ít cơ hội để tiếp xúc với thế giới của mây trời, của cuộc sống náo nhiệt, một thế giới bên ngoài ngôi nhà với cánh cổng luôn luôn đóng kín. Tết Đoan ngọ (Dan-o) là một cơ hội hiếm hoi cho sự tự do. Vào dịp lễ hội đặc biệt này, họ được phép tham gia một vài trò chơi, trong đó có đánh đu. Do đó, khác với trò chơi đánh đu phổ biến vào tiết Hàn thực hoặc Thanh minh ở Trung Quốc, vào những dịp hội xuân, gắn với không gian mùa xuân ở Việt Nam, ở Hàn Quốc, đây là trò chơi dành cho nữ giới vào dịp Tết Đoan Ngọ. Theo *Tống sử*, Quách Nguyên, sứ thần đời vua Đường Hiến Tông, đã ghi chép rằng ở Goryeo (Cao Ly), cây đu (thu thiên) được chơi vào tiết Đoan ngọ (Từ điển Bách khoa Văn hóa Quốc gia Hàn Quốc). Đến thời Joseon, cây đu phổ biến ở nhiều tầng lớp, từ quý tộc đến bình dân và gắn liền với nữ giới:

Theo *Joseonui Hyangtoorak* (Trò chơi dân gian của Joseon, xuất bản năm 1936) bởi Murayama Jijun, cây đu đã được những phụ nữ trẻ thưởng thức trong ngày lễ Dan-o (Lễ hội vào ngày 5 tháng 5 âm lịch) trên khắp Joseon. Ngoài ra, trò chơi đã được thưởng thức vào lễ Sawolchopail (Lễ Phật đàn) và/ hoặc Chuseok (Tết Trung thu) bởi không chỉ phụ nữ trẻ, mà cả những người đàn ông trẻ tuổi. [...].

Phụ nữ đã kết hôn hay chưa kết hôn đều thích chơi đánh đu suốt ngày trong dịp lễ Dan-o. Nó rất hữu ích trong việc tăng cường cơ bắp ở chân, lưng dưới và hông của họ, dẫn đến cải thiện sức sống trên toàn bộ cơ thể. Trước đây, phụ nữ Hàn Quốc phải ở trong nhà và cư xử khiêm tốn, nhưng trò chơi đánh đu cho phép họ di chuyển cơ thể một cách linh hoạt và bản năng hơn, về cơ bản giúp họ giải phóng năng lượng bị kìm hãm và có cuộc sống năng động hơn. (Nam Sungjin)

Yi Gyubo (Lý Khuê Báo, 1168-1241), một học giả sống vào thời Goryeo, từng miêu tả vẻ đẹp của những cô gái chơi đu trong *Doan ngọ kiến thu thiên nữ hí*. Như vậy, từ thời Goryeo (918-1392), cây đu đã đi vào văn học cổ điển Hàn Quốc như một biểu tượng của Tết Đoan Ngọ và nữ giới. *Thu thiên từ* của Lan Tuyết Hiên tiếp nối mạch chảy truyền thống này.

Cho nên, Mai Am dùng nhiều từ ngữ và hình ảnh nói về mùa xuân như “tầm mai vấn liễu” (tìm mai hỏi liễu, chỉ việc du xuân), “xuân y” (áo mùa xuân), “đông phong” (gió xuân), “hạnh hoa” (hoa hạnh, loại hoa tiêu biểu cho mùa xuân), còn Lan Tuyết Hiên không nhắc đến. Các yếu tố về trang phục được nữ sĩ sử dụng để xác định vẻ đẹp nữ tính bao gồm *đai áo, dải khăn tóc* và *ngọc bội*. Vì trang phục của phụ nữ thời Joseon được thiết kế với phần áo ngắn ở trên và phần váy xòe rộng ở dưới nên trước khi chơi, họ phải vén váy và thắt đai quanh eo. Dải khăn tóc (댕기 / Daenggi) và ngọc bội (노리개 / Norigae) là những vật sức đi cùng Hàn phục. Daenggi là dải vải dài dùng để buộc bím tóc của người con gái chưa kết hôn, vì thế, dần dần được xem là dấu hiệu của tuổi trẻ. Norigae là phụ kiện truyền thống được mang trước ngực áo hay ở phần thắt lưng của váy. Khi thiếu nữ tựa như tiên nữ cưỡi gió bay lên trời, ngọc bội phát ra âm thanh trong trẻo theo sự chuyển động của nàng, hòa cùng màu xanh mềm mại của dương liễu. Tuy Lan Tuyết Hiên và Mai Am miêu tả khung cảnh chơi đu về đại thể là tương tự nhau, song cảm giác mỗi bức tranh mang đến không hoàn toàn đồng nhất. Lan Tuyết Hiên gọi thiếu nữ chơi đu là “bán tiên” theo cách gọi khởi nguồn từ đời Đường. Lí do nữ sĩ lựa chọn cách gọi này, ngoài việc học tập thơ ca cổ điển Trung Quốc, hẳn còn do chính thiên hướng của bà. Năm tám tuổi, Lan Tuyết Hiên đã viết *Quảng Hàn điện bạch ngọc lâu thượng lương vãn*. Về sau, bà vẫn thể hiện niềm say mê với thế giới tiên nhân bắt từ qua mảng sáng tác thơ du tiên (du tiên thi). Trong *Thu thiên từ*, dường như bầu trời tượng trưng cho không gian vượt ngoài cõi tục và phải chăng hành động bay lên cao khi chơi đu của thiếu nữ chính là cách thức để nàng học thần tiên tìm kiếm sự tự do tuyệt đối? Thiếu nữ trong thơ Lan Tuyết Hiên thanh tân mà phiêu dật tạo nên ấn tượng về vẻ đẹp nửa thực nửa hư, vẻ đẹp thuộc về thế giới lí tưởng khiến con người khát vọng và theo đuổi. Trong khi đó, Mai Am nhấn mạnh ở *quần lụa, ống tay áo, chiếc eo thon* và *hương thơm*. Chúng xác định hệ thống các tiêu chuẩn về một cô gái đẹp riêng qua góc nhìn của Mai Am. Thiếu nữ của Mai Am như chú chim tinh nghịch đậu trên bàn đạp cây đu, cùng nhau thi tài, cùng tranh vẻ rực rỡ với sắc xuân. Không khí rộn ràng, tràn trề nhựa sống. Trò chơi đánh đu đã làm nổi bật đôi chân ngọc và vòng eo nhỏ, vốn là điều phù hợp với các loại trang phục truyền thống có thắt ở vòng eo của Việt Nam⁵.

Nói tiếp bài thơ thứ nhất, ở *Thu thiên từ bài 2*, Lan Tuyết Hiên trải ra trước mắt chúng ta bức họa thiếu nữ sau khi chơi đu:

Xúc bãi thu thiên chỉnh tú hài,

Hạ lai vô ngữ lập dao giai.

Thiên sam tế thấp khinh khinh hãn,

Vong khước giao nhân thập truy thoa.

⁵ Rất tiếc là chúng tôi chưa có điều kiện nghiên cứu sâu hơn về “áo xuân năm màu” (ngũ sắc xuân y) mà Mai Am đề cập đến trong tác phẩm. Tuy nhiên, như đã đề cập ở phần đầu, văn học có thể không tả thực. Thay vào đó, nó hình thành và phổ biến các tiêu chuẩn thẩm mỹ dựa trên quan niệm có tính truyền thống của dân tộc và của chính tác giả. Văn học dân gian Việt Nam có những câu ca dao ca ngợi vòng eo thon, chúng tôi đây là một tiêu chuẩn quan trọng của vẻ đẹp nữ tính trong nhận thức của người Việt xưa.

(Chơi đu xong, chỉnh lại hài thêu,
 Bước xuống, lặng im, đứng trên thềm ngọc.
 Áo lụa mỏng như cánh ve mờ hôi nhẹ thấm,
 Quên cả bảo người nhật chiếc trâm cài đánh rơi.)

Hài thêu, thềm ngọc, áo lụa đều là những hình ảnh song hành với tư thái mềm mại, yếu điệu, một trong những tiêu chuẩn xác định vẻ đẹp nữ tính của phương Đông. Sự xuất hiện của hình ảnh *mờ hôi nhẹ thấm, chiếc trâm cài đánh rơi* chẳng những không làm mất đi vẻ mềm mại đó mà ngược lại, tạo nên kết hợp thú vị giữa nét yếu điệu và linh động, khác sâu hơn đáng kể về chơi đu của thiếu nữ mà Lan Tuyết Hiên đã miêu tả ở bài 1. Đáng kể thiếu nữ e thẹn bước xuống khỏi cây đu, ngưng ngừng đứng trên bậc thềm, quên mất lời phải nói để lại một khoảng trống thơ mộng khơi dậy trí tưởng tượng của độc giả. Đọc *Thu thiên từ* của Lan Tuyết Hiên, chúng ta như lại nhìn thấy thiếu nữ úp mặt khóc sau chiếc cây đu trong *Vô đề* của Lý Thương Ẩn, thiếu nữ thẹn thùng vì gặp người yêu lúc “*thoa tuột, giày để hở*” trong bài từ *Điểm giáng thân* của Lý Thanh Chiêu. *Thu thiên từ* không chỉ truyền tải khát vọng tình yêu của thiếu nữ mơ mộng mà còn chứa đựng hi vọng tha thiết của tác giả đối với việc phụ nữ có thể phá vỡ trói buộc trong xã hội phong kiến. Ở thế kỉ XX, qua áng thơ *Thu thiên từ*, thi sĩ Seo Jeongju hiệu Midang (Vị Đường, 1915 - 2000) đã nhập vai vào nàng Xuân Hương của *Xuân Hương truyện* để diễn tả nỗi khát khao cháy bỏng hướng đến tự do khi nàng chơi đu vào ngày Tết Đoan Ngọ:

Hyangdan oi! Đẩy mạnh vào!
Như đưa thuyền ra khơi xa
Như xua lũ bướm con, lũ vàng anh
Ra xa đám hoa cỏ và nhành liễu rung rinh trước gió
Hyangdan oi! Hãy đẩy mạnh vào! (KBS World, 2018)

Tóm lại, cây đu là một biểu tượng được khai thác qua nhiều giai đoạn của văn học Hàn Quốc. Trên chặng đường này, Lan Tuyết Hiên với *Thu thiên từ* đã lưu lại dấu ấn riêng. Qua những dòng thơ của nữ sĩ, vẻ đẹp của thiếu nữ không nằm ở đường nét cụ thể trên khuôn mặt hay tỉ lệ cơ thể mà ở sức sống tràn đầy và tư thái phiêu dạt như thể phủ lên vàng sáng thần tiên; ở sự ngưng ngừng mà khả ái của trái tim biết rung động, yêu thương. Bằng *Thu thiên từ* và nhiều tác phẩm khác, Lan Tuyết Hiên đã làm sống dậy một cách đầy tinh tế tâm tình thiếu nữ, từ đó, kiến tạo những tiêu chuẩn về vẻ đẹp nữ tính khiến chúng ta đến hôm nay vẫn còn tán thưởng.

3. Kết luận

Từ Trung Quốc đến Hàn Quốc, Việt Nam, cây đu gắn liền với không khí lễ hội và nữ giới. Tuy nhiên, dưới sự tác động của đặc trưng văn hóa mỗi nước, phong cách nghệ thuật của từng tác giả, biểu tượng ấy lại được nhìn nhận và tái hiện qua những góc độ khác nhau. Với Lan Tuyết Hiên nói riêng, văn học Hàn Quốc nói chung, cây đu thuộc về không gian xanh mượt cỏ cây của Tết Đoan Ngọ, rục rờ cùng làn váy và phục sức của bộ Hàn phục, bay

bồng giữa khung trời của tự do. Có thể nói, lí giải biểu tượng cây đu trong sáng tác của Hứa Lan Tuyết Hiên từ góc nhìn liên văn hóa là một biện pháp cần thiết giúp độc giả Việt Nam tiếp cận với nữ thi sĩ có thiên phú thuộc vào bậc nhất triều đại Joseon. Trên cơ sở khảo sát *Thu thiên từ* như diễn ngôn về vẻ đẹp nữ tính và cây đu là một biểu tượng thể hiện tiêu chuẩn về vẻ đẹp nữ tính, chúng tôi xem đây là bước khởi đầu cho quá trình nghiên cứu lâu dài, sâu rộng các biểu tượng liên văn hóa nhằm cho thấy sự giao thoa văn hóa giữa Hàn Quốc và các quốc gia khác, đặc biệt là Việt Nam.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Asian Society. *The History of Korea Beauty Part 3: Joseon Dynasty*. Retrieved May 10, 2022 from <https://asiasociety.org/korea>
- Cho Kyo (2001). *The Search for the Beautiful Woman: A Cultural History of Japanese and Chinese Beauty*. Translated by Kyoko Seldon. New York: Rowman & Littlefield Publisher.
- Dam, A. T. (2016). Nu gioi va ve dep kieu hanh trong tho chu Han nu tac gia Trieu Tien [Female and Beauty of Pride in North Korean Women Writer's Sino Chinese Poems]. *Literature Studies*, 9(535), p.106-114.
- Do, T. H. (2010). *Cac nu tac gia Han Nom Viet Nam [Sino-Vietnamese women writers]*. Hanoi: Society and Science Publishing House.
- Hua Lan Tuyet Hien (1608). *Lan Tuyet Hien thi tap [Lan Tuyet Hien poetry anthology]*. Thu Duong Publishing House. Retrieved May, 10 from <https://digital.library.mcgill.ca/mingqing/search/results-work.php>
- Korean encyclopedia. *Geune*. Retrieved May 17, 2022 from <http://encykorea.aks.ac.kr/Contents/Item/E0007319?fbclid=IwAR0K6zK0ILeE37pJAurstPLbqpCbmkH6deiawfMtHMEeYYVCJJDgLvfuaoM#>
- KBS World (2018). *Korean Dan-o Festival, Past and Present*. Retrieved May 17, 2022 from http://world.kbs.co.kr/service/contents_view.htm?lang=v&menu_cate=culture&id=&board_seq=335840&fbclid=IwAR1isiTcJkHLrvrwMoWiLp_K_6aQQzt3azu4dbWyONCHznci_iwXdqTFLRg
- Lee Bae-yong (2008). *Women in Korean History*. Korea: Ehwa Womans University Press.
- Lee Hai-soon (2005). *The Poetic World of Classic Korean Women Writers*. Translated by Won Jae-Hur. Korea: Ehwa Womans University Press.
- Nam Sungjin. *Geunnetuigi*. Encyclopedia of Korean Folk Culture. Retrieved April 28, 2022 from <https://folkency.nfm.go.kr/en/topic/detail/1477>
- Phan, T. T. H. (Chief Editor) (2014). *Nhung ki nu trong tho ca Dong A [Marvelous Women in East Asian Poetry]*. Ho Chi Minh: Culture and Arts Publishing House.
- Zhu, Jingbo (2017). The Analysis of Several Chinese Cultural Symbols in Chinese-American Literature. *Advances in Social Science, Education and Humanities Research*, 123. Allantis Press, p.57.

**THE SYMBOL OF SWING IN HEO NAN SEOL HEON'S COMPOSITIONS:
THE INTERCULTURAL PERSPECTIVE**

Dam Anh Thu

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Dam Anh Thu – Email: thuda@hcmue.edu.vn

Received: December 01, 2022; Revised: March 20, 2023; Accepted: April 28, 2023

ABSTRACT

This article serves two main purposes. Firstly, the article introduces the biography and the compositions of Heo Nanseolheon, a prominent female author of the Joseon Dynasty (Korea), to Vietnamese readers. Secondly, the article focuses on examining the swing symbol in Heo Nanseolheon's poetry from an intercultural perspective. Based on analyzing the meanings of the swing symbol combined with the analysis of the Joseon Dynasty context, the article will figure out her unique interpretation of feminine beauty and explore the intercultural relationships across Eastern countries such as China, Korea, and Vietnam.

Keywords: Heo Nan Seol Heon; Hứa Lan Tuyết Hiên; feminine beauty; intercultural; symbol; swing